

普庵咒 PHỔ AM CHÚ

Soạn dịch: HUYỀN THANH

So sánh **Chú Phổ Am** được lưu truyền trong Tự Viện của Thiên Tông với dân gian ở đời sau rồi lưu truyền. Ngoại trừ **Khóa Tung**, Chú ấy còn được phổ thành **Cổ Cầm Khúc** và **Tỳ Bà Khúc**

Phổ Am Tổ Sư Thần Chú (Tục xưng là **Phổ Am Chú**)

“**Nam mô Phật Đà Gia**

Nam mô đạt ma gia

Nam mô tăng già gia

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát

Nam mô Phổ Am Tổ Sư Bồ Tát

Trăm vạn **Hỏa Thủ Kim Cương Bồ Tát**

Án

Ca ca, kê kê, câu câu, kê câu kê câu, kiem kiem kê kiem kê kiem

Ca ca, kê kê, câu câu, kê kiem, kiem kiem kiem kiem kiem kiem kiem, nghiệm nghiệm nghê nghiệm nghê nghiệm

Ca ca, kê kê, câu câu, gia, dụ dụ dụ dụ dụ dụ dụ dụ

Nghiên

Giới

Già già, chi chi, chu chu, chi chu chi chu, chiêm chiêm chi chiêm chi chiêm

Già già, chi chi, chu chu, chi chiêm, chiêm chiêm chiêm chiêm chiêm chiêm, nghiệm nghiệm nghê nghiệm nghê nghiệm

Già già, chi chi, chu chu, gia, dụ dụ dụ dụ dụ dụ dụ dụ

Thần

Nhạ

Trá trá, đế đế, đô đô, đế đô đế đô, đảm đảm đế đế đế đảm

Trá trá, đế đế, đô đô, đế đô, đảm đảm đảm đảm đảm đảm đảm, nam na ni na ni nam

Trá trá, đế đế, đô đô, gia, nô nô nô nô nô nô nô nô

Đát

Na

Đa đa, đế đế, đa đa, đế đa đế đa, đảm đa đế đa đế đảm

Đa đa, đế đế, đa đa, đế đa, đảm đảm đảm đảm đảm đảm đảm, nam na ni na ni nam

Đa đa, đế đế, đa đa, gia, nô nô nô nô nô nô nô nô

Đàn

Na

Ba ba, bi bi, ba ba, bi ba bi ba, phạn ba bi ba bi phạn

**Ba ba, bi bi, ba ba, bi ba, phạn phạn phạn phạn phạn phạn phạn, ma mê
ma mê phạn**

Ba ba, bi bi, ba ba, bi ba, mẫu mẫu mẫu mẫu mẫu mẫu mẫu mẫu mẫu

Phạn

Ma

Ba đa trá già ca gia dạ lan ha , a sắt trá tát hải trá lô

Lô trá già ca gia, toa ha

Vô số tám Bộ Trời Rộng

Trăm vạn Hỏa Thủ Kim Cương

Hôm qua là phương góc

Ngày nay là đất Phật

Phổ Am đến chốn này

Trăm điều không cấm kỵ ”

PHŌ AM CHÚ

1_ Namo Buddhāṣaya (? Buddhāya) _ Namo Dharmāya _ Namo Saṅghāya

2_ Namo Bhagavate Śākyamunaye Tathāgatāya Arhate Samyksam Buddhaya

3_ Namo Ārya Avalokite'svarāya Bodhisatvaya Mahā-satvaya Mahā-Kāruṇikāya

4_ Namo Po-ar-bodhisatva

5_ Namo Koṭi śata sahasra jvala-vajra-pāṇi-rājaya-bodhisatvāya

6_ Oṃ kakaka yaṃ kai cacaca śi na ja ṭaṭaṭa ḍaṃ na tatata dhaṃ na papapa baṃ ma

7_ Ma baṃ papapa na dhaṃ tatata na daṃ ṭaṭaṭa ja śi nu cacaca kai yaṃ kakaka

8_ Kakaka yaṃ kai kaka keke kuku keku keku kaṃ kai ke kai ke kaṃ yaṃ kakaka

9_ Kakaka yaṃ kai caca chichi cucu chicu chicu śiṃ cauchi cauchi śiṃ ja śi nu cacaca

10_ Cacaca śiṃ ja ṭaṭa tita tata tita taṃ tati tati taṃ

11_ Na daṃ ṭaṭaṭa ṭaṭaṭa daṃ na tata tete tata teta teta dhaṃ tate tate dhaṃ na dhaṃ

12_ Tatata tatata dhaṃ na papa pepe papa pepa pepa baṃ pape pape baṃ

13_ Ma baṃ papapa papapa baṃ mama baṃ papapa na dhaṃ tatata na daṃ ṭaṭaṭa

14_ Ja śi nu cacaca kai yaṃ kakaka kakaka yaṃ kai kaka keke kuku ka kai kaṃ

15_ Kaṃ kaṃ kaṃ kaṃ kaṃ yaṃ yau ye yau ye yaṃ kai yaṃ kakaka kakaka yaṃ kai

16_ Caca chichi cucu chi cau śiṃ śiṃ śiṃ śiṃ śiṃ śiṃ yaṃ yau ye yau ye yaṃ ja śi nu cacaca

17_ Cacaca śi nu ja ṭaṭa tita tata tita taṃ taṃ taṃ taṃ taṃ taṃ naṃ nanana na naṃ

18_ Na daṃ ṭaṭaṭa ṭaṭaṭa daṃ na tata tete tata teta dhaṃ dhaṃ dhaṃ dhaṃ dhaṃ dhaṃ

19_ Naṃ nane nane naṃ na dhaṃ tatata tatata dhaṃ na papa pepe papa pepa baṃ

20_ Baṃ baṃ baṃ baṃ baṃ baṃ mame mame baṃ

21_ Ma baṃ papapa papapa baṃ mama baṃ papapa na dhaṃ tatata na daṃ ṭaṭaṭa

22_ Ja śi nu cacaca kai yaṃ kakaka kakaka yaṃ kai kaka keke kuku ya yuyuyu

23_ Yuyuyu yuyuyu kai yaṃ kakaka kakaka yaṃ kai caca chichi cucu ya yuyu yuyu

24_ Yu yuyu yuyu ja śala cacaca caca śala ja ṭaṭa tita tata ya

25_ Nu nunu nunu nunu nunu na dam ɬaɬa ɬa ɬa dam na tata tete tata ya

26_ Nu nunu nunu nunu nunu na dam tatata tatata dam na papa pepe papa ya

27_ Mu mumu mumu mumu mumu

28_ Ma bam papapa papapa bam mama bam papapa na dham tatata na dam ɬaɬa

29_ Ja ɶa nu cacaca kai yam kakaka kakaka yam kai

30_ Om pata ɬaca kaya_ yalam ha, aɶa sahaɶa lairu lairu ɬaca kaya svāhā

Vô số tám Bộ Trời Rộng

Trăm vạn Hỏa Thủ Kim Cương

Hôm qua là phương góc

Hôm nay là đất Phật

Phổ Am đến chốn này

Trăm điều không cấm kỵ

Do Tổ Sư **Phổ Am** thường tùy nghi nói Pháp, hoặc viết Kệ cho đọc, hoặc hái cỏ trị bệnh, hoặc trì tụng Chú giúp cho người bị dịch độc được khỏi bệnh, hoặc chặt bỏ cây cối quái lạ, hoặc phá hủy Dâm Từ...làm nhiều việc rất linh ứng. Cho nên tương truyền bài Chú **Phổ Am** có nhiều công năng như chú Đại Bi, an khắp mười phương, an định theo Tâm. Yêu cầu các loài vật như chuột, kiến, muỗi, ve, gián, thằn lằn...hoặc loài Tà Ma Quỷ My đi nơi khác

Đặc biệt là có Thần Lực *tiêu tai giải ách, trấn sát an thai, trừ uế* như: giải bỏ Tà Khí, oán khí tại những nơi có nhiều xương cốt bị chôn vùi mà không ai biết.

Người dân Đài Loan thường dùng giấy màu đỏ hoặc màu vàng viết tám chữ của câu cuối trong bài Chú Phổ Am, dán trong nhà nhằm thay đổi phong thủy của ngôi nhà.

Tám chữ đó là:

普庵到此 百無禁忌

Phổ Am đáo thử bách vô cấm kỵ (nghĩa là: *Phổ Am đến chốn này_ Trăm điều không cấm kỵ*)

Nhân dân Trung Quốc còn xem Sư **Phổ Am** như một vị Thần biển, thường phụng thờ, cầu xin Ngài giúp cho được sự bình yên trên biển cả

Một số Đạo Sĩ Trung Quốc tôn thờ Sư **Phổ Am** như một vị Tổ Sư, Giáo Chủ của phái Phổ Am và xưng tụng Sư là **Lỗ Ban Đệ Tam Tổ Sư** đồng thời thờ phụng Sư qua các Tôn Tượng: Tỳ Khưu, Đạo Sĩ, vua chúa, tướng quân...

Phái **Lâm Tế** của Trung Quốc và Nhật Bản thường phụng thờ Tôn Tượng hay Thần Vị của Sư tại Hậu Điện hay Hậu Liâu để *giáng Ma phục Quỷ*...

Phật Giáo Việt Nam thường tụng bài **Chú Phổ Am** trong các lễ Khai Kinh, Sái Tịnh, Kết Giới Đại Trai Đàn: Bạt Độ, Chẩn Tế, Đại Lễ Quy Y trong đám tang...

12/05/2009